

Bản án số: 09/2025/HS-ST
Ngày 28 - 8 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Hồng, ông Cà Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Thào A Thu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3
- Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Lò Văn Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở TAND khu vực 3 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2025/TLST - HS ngày 07/8/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST - HS ngày 18/8/2025 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Lò Thị D** - Tên gọi khác: Không có tên gọi khác; Sinh năm 1974 tại huyện T, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản P, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là Bản P, xã T, tỉnh Điện Biên); Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hóa: Không; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn B (đã chết) và bà Lò Thị S (đã chết); chồng là Cà Văn M – sinh năm 1973 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2018 bị TAND huyện Tuần Giáo xử phạt 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy tại bản án số 59/2018/HSST ngày 24/5/2018, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/5/2019 đã được xóa án tích; Chưa bị xử phạt hành chính.

Tạm giữ từ ngày 30/4/2025 đến ngày 09/5/2025, tạm giam từ ngày 09/5/2025 đến nay. Bị cáo có mặt.

2. Họ và tên: **Quàng Văn L** - Tên gọi khác: Không có tên gọi khác; Sinh năm 1976 tại huyện T, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là Bản N, xã T, tỉnh Điện Biên); Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Quàng Văn M1 (đã chết) và bà Lò Thị Á (đã chết); V là Lò Thị L1 (đã chết) và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2007 bị TAND huyện Tuần Giáo xử phạt 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy tại bản án số

06/2007/HSST ngày 19/10/2007, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/02/2010 đã được xóa án tích; Chưa bị xử phạt hành chính.

Tạm giữ từ ngày 30/4/2025 đến ngày 09/5/2025, tạm giam từ ngày 09/5/2025 đến nay. Bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo D: Ông Nguyễn Đình T – Là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo L: Bà Lê Thị Thúy A – Là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 00 phút, ngày 30/4/2025 Quảng Văn L điều khiển xe mô tô BKS 30M9- 6981 của mình đến nhà Lò Thị D ở bản P, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là bản P, xã T, tỉnh Điện Biên) rủ D lên thị trấn T, huyện T (nay là xã T, tỉnh Điện Biên) để tìm mua ma túy thì D đồng ý.

Khi đi D mang theo số tiền 1.200.000 đồng và L đưa cho D số tiền 500.000 đồng để góp mua ma túy chung. Sau đó, L dùng xe mô tô chở D đến tổ dân phố Q, thị trấn T (nay là tổ dân phố Q, xã T) đến nơi L dừng xe ở ngoài đường đợi, còn D một mình cầm theo tiền đi bộ vào trong tổ dân phố Q, tại đây D gặp một người phụ nữ dân tộc T1, D không biết tên, tuổi, địa chỉ. Qua trao đổi D đã mua được của người này 03 gói ma túy được gói ngoài bằng nilon màu hồng với giá 1.700.000 đồng (trong đó 1.500.000 đồng mua H, còn 200.000 đồng mua Methamphetamine). Sau khi mua được ma túy D đi bộ đến chỗ L đang đợi.

Đến 19 giờ 20 phút cùng ngày khi L điều khiển xe mô tô chở D về đến đoạn đường thuộc Bản N, xã M, huyện T (nay là bản N, xã T) thì bị tổ công tác Công an tỉnh Đ phát hiện, bắt quả tang, thu giữ tại lòng bàn tay phải của D 03 gói ma túy cùng chiếc xe mô tô. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng.

Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo D khai nhận về đến nhà mới chia số Heroine cho L; mục đích các bị cáo mua ma túy để bán và sử dụng, nhưng chưa kịp bán đã bị Công an bắt quả tang và thu giữ.

Tại biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định ngày 01/5/2025 của Cơ quan điều tra xác định:

- 08 viên nén màu hồng (trên một mặt của mỗi viên nén có chữ WY) có khối lượng 0,81 gam, lấy toàn bộ làm mẫu vật gửi giám định ký hiệu M1.
- Chất bột dạng cục và dạng bột trong gói nilon màu hồng thứ nhất có khối lượng 1,60 gam, lấy toàn bộ làm mẫu vật gửi giám định ký hiệu M2;
- Chất bột dạng cục và dạng bột trong gói nilon màu hồng thứ hai có khối lượng 0,99 gam, lấy toàn bộ làm mẫu vật gửi giám định ký hiệu M3;

Kết luận giám định số 394/KL- KTHS ngày 07/5/2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận:

- Vật chứng gửi giám định thu giữ khi bắt quả tang Lò Thị D và Quảng Văn L ký hiệu M1 có khối lượng 0,81 gam các viên nén màu hồng là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

- Vật chứng gửi giám định thu giữ khi bắt quả tang Lò Thị D và Quảng Văn L ký hiệu M2, M3 có tổng khối lượng 2,59 gam chất bột màu trắng dạng cục và dạng bột là chất ma túy: Loại Heroine. H1 mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng M1: 0,78 gam; M2: 1,57 gam; M3: 0,94 gam.

Cáo trạng số 51/CT-VKS- KV3 ngày 05/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Điện Biên truy tố các bị cáo Lò Thị D, Quảng Văn L về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Lò Thị D từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Quảng Văn L từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy khối lượng ma túy hoàn lại sau giám định; tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 30M9 - 6981 (kèm theo chìa khoá xe máy); 03 mảnh nilon màu hồng; 01 vỏ phong bì cũ.

- Về án phí: Đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Người bào chữa cho bị cáo D: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo cũng như tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về điều kiện hoàn cảnh của bị cáo, quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành khẩn khai báo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung; vật chứng đề nghị xử lý theo quy định pháp luật; đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Quốc Hội.

Người bào chữa cho bị cáo L: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo cũng như tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về điều kiện hoàn cảnh của bị cáo, quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành khẩn khai báo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều

251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung; vật chứng đề nghị xử lý theo quy định pháp luật; đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Quốc Hội.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa các bị cáo Lò Thị D, Quảng Văn L thừa nhận hành vi cùng nhau góp tiền đi mua chất ma túy để sử dụng và bán lẻ, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người chứng kiến khi bắt quả tang các bị cáo, kết quả thu giữ vật chứng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng và bản kết luận giám định chất ma túy.

Có đủ cơ sở kết luận ngày 30/4/2025 các bị cáo D, L đã mua được 03 gói ma túy loại H và Methamphetamine với giá 1.700.000 đồng, đến 19 giờ 20 phút cùng ngày đã bị tổ công tác Công an tỉnh Đ bắt quả tang.

Các Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đã cố ý mua 2,59 gam Heroine và 0,81 gam Methamphetamine cất giấu trái phép với mục đích để chia nhau sử dụng và bán lẻ kiếm lời. Với hành vi, khối lượng ma túy bị thu giữ thì các bị cáo đã phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: "*1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm*".

Tại thời điểm xét xử khoản 1 Điều 251 Luật số 86/2025/QH15 (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự) quy định: "*1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm*". Như vậy mức hình phạt cao hơn mức tối thiểu so với khung hình phạt từ 02 năm của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 4 điều khoản chuyển tiếp Luật số 86/2025/QH15 (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự), Hội đồng xét xử áp dụng quy định có lợi cho bị cáo là khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử và quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo.

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét tính chất mức độ phạm tội:

Các Bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, tính chất đồng phạm giản đơn không có tổ chức, cùng thực hiện hành vi đã góp tiền cùng nhau đi mua ma túy với mục đích để chia nhau sử dụng, chia nhau bán lẻ nên xác định các bị cáo có vai trò ngang nhau trong vụ án.

Các Bị cáo nhận thức được hành vi của mình trái với quy định của Nhà nước và sẽ bị pháp luật xử lý nghiêm minh khi bị phát hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy mà trực tiếp là hoạt động mua bán, tàng trữ các chất ma túy.

[3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

[3.1] Về nhân thân: Các bị cáo đều là người nghiện chất ma túy, chưa bị xử phạt hành chính.

Năm 2007 bị cáo L bị TAND huyện Tuần Giáo xử phạt 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; Năm 2018 bị cáo D bị TAND huyện Tuần Giáo xử phạt 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, các bị cáo đã chấp hành xong bản án, tính đến ngày phạm tội mới (ngày 30/4/2025) các bị cáo đã được xóa án tích.

[3.2] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "thành khẩn khai báo" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo L có bố đẻ là ông Quàng Văn M1 (bút lục 140) được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo L.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, về áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này.

Lời bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[3.4] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng mức hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo và cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào biên bản xác minh tài sản của Cơ quan điều tra và tranh tụng tại phiên tòa cho thấy các bị cáo gia đình đều thuộc hộ nghèo, không có tài sản gì giá trị, không có việc làm và thu nhập thường xuyên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu tài sản theo khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo là phù hợp.

[5] Về vấn đề khác có liên quan: Đối với người phụ nữ đã bán ma túy cho các bị cáo, quá trình điều tra và tại phiên tòa không xác định được họ tên, địa chỉ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, xử lý.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với số H và Methamphetamine hoàn lại sau giám định có khối lượng M1: 0,78 gam; M2: 1,57 gam; M3: 0,94 gam là vật Nhà nước cấm tàng trữ; 03 mảnh nilon màu hồng; 01 vỏ phong bì cũ là vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô thu giữ của bị cáo Quảng Văn L, quá trình điều tra, tại phiên tòa đã làm rõ là tài sản riêng của bị cáo, bị cáo đã cố ý sử dụng xe làm phương tiện đi mua trái phép ma túy, nên cần tịch thu toàn bộ chiếc xe sung vào ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, nên cần miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Các Bị cáo Lò Thị D, Quảng Văn L phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), điểm c khoản 1 Điều 4 điều khoản chuyển tiếp Luật số 86/2025/QH15 (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự): Xử phạt bị cáo Lò Thị D 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 30/4/2025.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), điểm c khoản 1 Điều 4 điều khoản chuyển tiếp Luật số 86/2025/QH15 (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự): Xử phạt bị cáo Quảng Văn L 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 30/4/2025.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy hoàn lại sau giám định đã được niêm phong có ký hiệu, khối lượng: M1: 0,78 gam Methamphetamine; M2: 1,57 gam Heroine; M3: 0,94 gam Heroine; 03 mảnh nilon màu hồng; 01 vỏ phong bì cũ.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVES, màu sơn xám - đen, biển kiểm soát 30M9 – 6981, số máy JC43E1637833, số khung RLHJC4316BY617334, dung tích xi lanh 109 cm³, sản

xuất năm 2011 thu giữ của bị cáo Quảng Văn L (kèm theo 01 chìa khoá xe) xe cũ đã qua sử dụng.

Số vật chứng trên Phòng thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh Điện Biên đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ và Phòng thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh Điện Biên.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

5. Kháng cáo: Áp dụng khoản 1 Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: các Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/8/2025).

Nơi nhận:

- Phòng Giám đốc kiểm tra, thanh tra và Thi hành án, TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 3, tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh;
- Phòng HSNV, Lý lịch tư pháp Công an tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh;
- Phân trại tạm giam Tuân Giáo, Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Lưu: HSVA, HSTHA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tòng Thị Lan